

Thứ ba, ngày 30 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Đà điều chỉnh tiếp diễn

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 01/07/2020	•		
Tuần 29/6-3/7/2020	•		
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên điều chỉnh hôm trước, thị trường mở cửa trong sắc xanh với tâm lý giao dịch khá hưng phấn. Nhưng đà tăng bắt đầu suy yếu dần vào phiên chiều. Dòng tiền đầu tư hồi phục nhẹ nhưng vẫn ở mức yếu khi chỉ có 4/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn giao dịch. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ, biên độ dao động hẹp và độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy xu hướng điều chỉnh đang suy yếu dần. VN-Index nhiều khả năng sẽ vận động tại vùng điểm 825-850 trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 737 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/06/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Hàng tiêu dùng_1.5%**

Phân tích kỹ thuật: TLG_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-4.25** điểm, đóng cửa **825.11** điểm. HNX-Index **-0.56** điểm, đóng cửa **109.76** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM(+1.43); VNM(+0.40); VJC(+0.19); HPX(+0.12); HPG(+0.12).**
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.27); BID (-0.69); SAB(-0.64); GVR(-0.46); VRE(-0.40).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 4,056 tỷ đồng, giảm **-8.3%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 18.39 điểm, thu hẹp so với phiên liền trước. Thị trường có 138 mã tăng, 54 mã tham chiếu và 237 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-34.17** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **PDR (-27.6 tỷ), VCB (-22.5 tỷ) và VRE (-19.8 tỷ).** Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-4.20** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **825.11**Giá trị: 4056.71 tỷ **-4.25 (-0.51%)**

Khối ngoại (ròng): -32.05 tỷ

HNX-INDEX **109.76**Giá trị: 623.32 tỷ **-0.56 (-0.51%)**

Khối ngoại (ròng): -4.2 tỷ

UPCOM-INDEX **55.52**Giá trị: 0.39 tỷ **0.01 (0.02%)**

Khối ngoại(ròng): 0.259 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	39.2	-1.36%
Giá vàng	1,771	-0.10%
Tỷ giá USD/VND	23,206	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	26,082	0.08%
Tỷ giá JPY/VND	21,544	-0.07%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	46.00%
LS TPCP 5 năm	2.0%	0.50%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	106.3	PDR	26.1
FUEVFNDC	32.5	VCB	22.5
VHM	21.0	VRE	19.8
NVL	18.4	VIC	16.9
VNM	3.9	GAS	13.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
30/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng_1.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	12/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Hàng tiêu dùng	1.5%	-3.1%	0.5%	49.1%	-3.9%	-3.9%	20.0%
Stay-at-home	1.3%	-2.2%	4.2%	44.2%	4.6%	4.6%	17.9%
Ngành Dược	1.0%	-1.3%	-2.8%	14.4%	-8.4%	-8.4%	18.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.6%	-1.3%	0.1%	34.2%	4.4%	4.4%	15.8%
FTSE Việt Nam	0.3%	-2.3%	-3.3%	24.4%	-11.1%	-11.1%	17.1%
Lãi suất giảm	0.2%	-3.8%	3.1%	47.0%	-3.0%	-3.0%	19.6%
Nước & Năng lượng	0.1%	-3.0%	-1.8%	26.2%	-10.5%	-10.5%	16.9%
Corona Avengers	0.1%	-3.4%	-1.9%	44.7%	-4.7%	-4.7%	22.2%
Chiến tranh thương mại	0.0%	-3.1%	-2.3%	38.8%	-12.1%	-12.1%	18.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.3%	-2.9%	-4.9%	24.1%	-12.8%	-12.8%	16.1%
BDS & Khu công nghiệp	-0.4%	-2.8%	2.1%	30.5%	-9.5%	-9.5%	17.9%
Vật liệu Xây dựng	-0.5%	-2.3%	-0.2%	44.7%	-2.0%	-2.0%	20.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.6%	-3.0%	-4.0%	27.0%	-12.4%	-12.4%	18.0%
Xây dựng	-0.8%	-4.0%	-2.6%	34.8%	-7.5%	-7.5%	19.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.8%	-3.8%	-5.3%	24.3%	-18.0%	-18.0%	16.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.0%	-3.8%	-3.7%	28.3%	-14.6%	-14.6%	19.6%
VN Diamond	-1.0%	-3.8%	-5.6%	26.4%	-16.8%	-16.8%	19.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.1%	-3.9%	-6.5%	31.9%	-15.7%	-15.7%	21.5%
VN FinSelect	-1.3%	-4.0%	-4.0%	28.2%	-10.4%	-10.4%	19.9%
Bất động sản Khu công nghiệp	-1.3%	-4.2%	-6.3%	0.7%	0.7%	0.7%	26.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.3%	-4.3%	-4.5%	28.5%	-11.1%	-11.1%	21.4%
Ngân Hàng	-1.7%	-4.1%	-3.8%	27.0%	-8.7%	-8.7%	23.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.4%	-4.4%	2.0%	38.9%	-5.9%	-5.9%	22.4%
Dầu khí	-2.8%	-4.7%	0.8%	41.3%	-23.6%	-23.6%	25.3%
Mục tiêu	8/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S11	1.3%	-1.8%	1.4%	27.9%	-2.2%	-2.2%	18.8%
L11	0.1%	-2.7%	0.1%	29.4%	-10.3%	-10.3%	17.7%
M22	0.1%	-2.5%	-2.4%	34.5%	-5.5%	-5.5%	19.0%
M12	0.0%	-2.8%	-4.0%	26.3%	-9.8%	-9.8%	20.0%
S32	-0.1%	-3.8%	-4.5%	39.0%	-18.4%	-18.4%	22.6%
M31	-0.1%	-3.3%	-3.1%	29.6%	-11.5%	-11.5%	21.3%
L32	-0.1%	-4.0%	-2.2%	45.7%	-11.7%	-11.7%	21.2%
L22	-0.3%	-3.5%	-2.5%	36.8%	-10.3%	-10.3%	20.0%
S21	-0.8%	-3.9%	-5.4%	29.9%	-12.0%	-12.0%	20.1%
Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	0.1%	-3.0%	2.7%	39.4%	0.4%	0.4%	17.6%
LOW1	-0.2%	-2.9%	-2.9%	24.3%	-8.3%	-8.3%	17.3%
HIGH3	-0.2%	-2.9%	-4.2%	33.6%	-4.8%	-4.8%	19.4%
INDEX							
VNINDEX	-0.5%	-3.2%	-4.6%	24.5%	-14.1%	-14.1%	17.0%
VN30INDEX	-0.6%	-3.1%	-4.4%	26.2%	-12.3%	-12.3%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	12	12	11	13	19	5
Mục tiêu	9	8	1	4	5	8	1
Rủi ro	3	3	0	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

TLG_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: TLG vẫn đang ở trong quá trình tăng giá từ đầu tháng 4 đến nay và là một trong những mã chưa có sự ảnh hưởng nhiều từ đợt điều chỉnh hiện tại của thị trường chung. Thanh khoản cổ phiếu vẫn đang duy trì giá trị tốt và ổn định. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá TLG tăng ấn tượng 6.69%, qua đó giúp cổ phiếu vượt qua ngưỡng kháng cự 34.5. Các chỉ báo xu hướng hiện vẫn đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của TLG. Chỉ báo động lượng RSI vừa đi vào vùng quá mua nên có thể trong những phiên tới cổ phiếu sẽ có sự điều chỉnh ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của TLG nằm tại khu vực 33-33.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh ngưỡng 40, cắt lỗ nếu vùng giá 31.5-32 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích

[Link](#)

PC1_ Tăng giá

[Link](#)

CTI_ Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_ Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 30/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.42	-0.71%	-2.40%	10.00%	-30.04%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	41.46	-0.60%	-2.70%	9.60%	-33.27%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	118.41	2.67%	-8.30%	15.40%	-33.81%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1771.77	-0.06%	0.20%	2.40%	25.15%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.84	-0.08%	-0.60%	-0.10%	17.24%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	862.25	0.09%	-1.30%	1.20%	-8.42%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	484.50	-0.41%	-1.30%	-7.40%	-12.03%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.94	0.05%	-0.30%	17.00%	23.54%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	143.26	0.25%	n/a	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.77	1.29%	-2.40%	7.90%	-14.65%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	100.10	3.57%	2.10%	-0.80%	-18.22%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5961.50	0.08%	1.40%	11.80%	0.12%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	505.54	0.30%	-1.50%	4.00%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1609.00	0.47%	0.40%	4.70%	-10.31%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	105.34	-0.28%	-3.30%	8.40%	n/a	HSG, HPG	
Than đá	USD/ton	52.70	-2.77%	-1.20%	-4.80%	-34.78%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8/2020 69 US cent tương đương 1.7% lên 41.71 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 1.21 USD tương đương 3.1% lên 39.7 USD/thùng.
- Tính đến hết tháng 6/2020, giá dầu Brent có tháng tăng thứ 3 liên tiếp sau khi Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh được gọi là OPEC+, gia hạn cắt giảm nguồn cung 9.7 triệu thùng/ngày đến tháng 7/2020.
- Số liệu Ủy ban châu Âu cho biết, nền kinh tế khu vực euro zone trong tháng 6/2020 hồi phục, tăng lên 75.7 điểm trong tháng 6/2020 từ mức 67.5 điểm trong tháng 5/2020. Tại Trung Quốc, lợi nhuận của các doanh nghiệp công nghiệp tăng lần đầu tiên trong 6 tháng trong tháng 5/2020.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.1% xuống 1,769.52 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York tăng 0.1% lên 1,781.2 USD/ounce. Giá vàng thay đổi nhẹ, song vẫn gần mức cao nhất 8 năm trong tuần trước đó, do virus corona lây lan mạnh đe dọa sự phục hồi nền kinh tế. Giá vàng cũng có tháng tăng thứ 3 liên tiếp và có quý tăng mạnh nhất hơn 4 năm.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên giảm 4.2% xuống 733 CNY (103.58 USD)/tấn. Giá quặng sắt và thép tại Trung Quốc đều giảm khi thị trường mở cửa trở lại sau kỳ nghỉ lễ, trong bối cảnh triển vọng nhu cầu đối với nguyên liệu công nghiệp quan trọng suy giảm, do virus corona bùng phát và thời tiết khắc nghiệt.
- Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 1.7% xuống 3,552 CNY/tấn, giá thép cuộn cán nóng giảm 1.3% xuống 3,560 CNY/tấn. Nhu cầu sản phẩm thép giảm tuần thứ 3 liên tiếp trong tuần trước. Trong khi đó, triển vọng nhu cầu không chắc chắn khi Bắc Kinh đang nỗ lực ngăn chặn một làn sóng lây nhiễm mới

Giá cao su

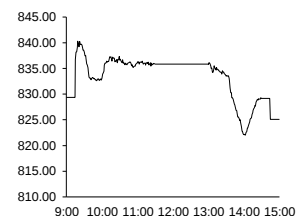
- Giá cao su kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn TOCOM giảm 1.2 JPY tương đương 0.8% xuống 154 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải giảm gần 3% xuống 10,060 CNY/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo giảm phiên thứ 4 liên tiếp do đại dịch Covid-19 trở nên tồi tệ hơn, làm gia tăng mối lo ngại về các hạn chế kinh tế ảnh hưởng đến nhu cầu hàng hóa như cao su.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn ICE tăng 0.16 US cent lên 11.71 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 1 USD lên 352.2 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 tăng 3.45 US cent tương đương gần 4% lên 100.1 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 tăng 25 USD lên 1,178 USD/tấn.

Hình 1

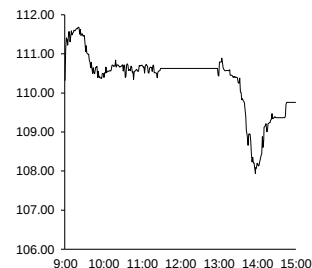
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

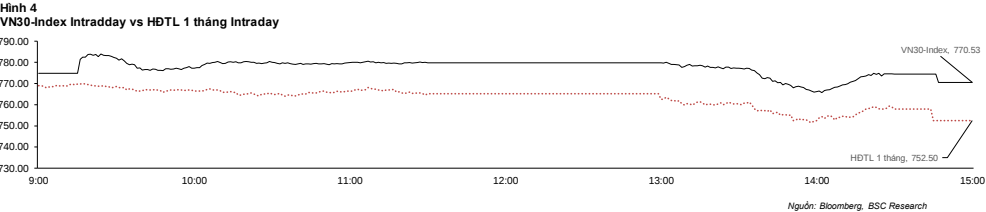
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-4.01%
Hóa chất	-2.21%
Ngân hàng	-1.37%
Bảo hiểm	-1.04%
Truyền thông	-0.96%
Xây dựng và Vật liệu	-0.80%
Thực phẩm và đồ uống	-0.65%
Công nghệ Thông tin	-0.63%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.58%
Dịch vụ tài chính	-0.46%
Dầu khí	-0.16%
Bán lẻ	-0.15%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.01%
Viễn thông	0.00%
Tài nguyên Cơ bản	0.01%
Bất động sản	0.36%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.79%
Y tế	0.84%
Du lịch và Giải trí	0.89%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2007	752.50	-1.39%	-18.03	-9.4%	197,428	7/16/2020	18
VN30F2008	744.00	-1.39%	-26.53	40.7%	788	8/20/2020	53
VN30F2009	739.80	-0.84%	-30.73	42.5%	161	9/17/2020	81
VN30F2012	737.90	-1.22%	-32.63	29.1%	142	12/17/2020	172

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm -4.25 điểm, xuống mức 825.11 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, VNM, VIC, và HPG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng mạnh đầu phiên, trước khi tích lũy quanh 780 điểm. Sang phiên chiều, VN30 quay đầu giảm điểm xuống quanh 765 điểm, sau đó hồi phục, chốt phiên quanh 770 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức cao, VN30 có thể điều chỉnh giảm xuống quanh 760 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2007, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, tất cả các hợp đồng đều không đổi. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường trong thời gian tới. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 737 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG2007	KIS	7/16/2020	16	1:1	39,180	-67.6%	2.5 triệu	36.42%	1,660	4,240	11.87%	3,864	1.10
CVHM2003	HSC	10/29/2020	121	10:1	239,200	94.6%	5.0 triệu	37.01%	1,000	1,310	10.08%	998	1.31
CVNM2004	SSI	11/30/2020	153	1:1	16,200	65.8%	2.0 triệu	31.34%	17,500	14,660	9.24%	7,816	1.88
CVHM2002	SSI	11/30/2020	153	1:1	33,330	153.5%	1.5 triệu	37.01%	11,500	10,100	8.95%	7,208	1.40
CVHM2001	KIS	12/16/2020	169	5:1	137,550	312.8%	2.0 triệu	37.01%	3,100	1,340	7.20%	498	2.69
CHPG2009	HSC	10/29/2020	121	2:1	180,400	76.9%	5.0 triệu	36.42%	1,600	3,050	7.02%	2,577	1.18
CHPG2005	VND	10/1/2020	93	1:1	18,370	-72.6%	2.0 triệu	36.42%	2,100	7,890	5.48%	8,070	0.98
CHPG2008	SSI	11/30/2020	153	1:1	43,510	-63.9%	5.0 triệu	36.42%	4,100	3,320	3.75%	2,235	1.49
CVNM2003	MBS	9/4/2020	66	5:1	152,740	-23.5%	3.0 triệu	31.34%	1,450	2,330	1.75%	1,998	1.17
CMBB2006	HSC	10/29/2020	121	2:1	162,170	325.6%	5.0 triệu	34.46%	1,100	1,110	-1.77%	742	1.50
CFPT2003	SSI	11/9/2020	132	1:1	21,210	-6.3%	2.0 triệu	32.21%	7,300	8,640	-1.82%	2,169	3.98
CVPB2005	MBS	8/18/2020	49	2:1	235,240	-1.9%	2.0 triệu	44.21%	1,510	1,270	-2.31%	946	1.34
CFPT2004	SSI	8/10/2020	41	1:1	19,940	-9.4%	2.0 triệu	32.21%	5,100	5,700	-2.90%	625	9.12
CTCB2004	MBS	8/18/2020	49	2:1	211,650	-6.4%	2.0 triệu	36.42%	1,050	1,610	-3.59%	1,413	1.14
CCTD2001	KIS	12/16/2020	169	10:1	74,340	43.5%	1.0 triệu	53.85%	1,540	1,590	-4.22%	669	2.38
CMWG2007	SSI	11/30/2020	153	1:1	29,700	107.0%	2.0 triệu	39.71%	12,900	8,540	-5.84%	6,437	1.33
CDPM2002	KIS	12/16/2020	169	1:1	177,710	-22.5%	2.0 triệu	41.14%	1,700	2,200	-5.98%	1,191	1.85
CTCB2005	SSI	11/30/2020	153	1:1	61,220	268.8%	3.0 triệu	36.42%	3,000	1,790	-6.77%	1,085	1.65
CSTB2004	SSI	11/30/2020	153	1:1	126,000	-9.7%	5.0 triệu	40.96%	1,400	1,420	-12.35%	1,119	1.27
CSTB2003	KIS	9/16/2020	78	1:1	195,630	-18.0%	3.0 triệu	40.96%	1,360	1,300	-18.75%	702	1.85
Tổng:					2,136,110		54.50 triệu	37.60%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 30/06/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

• Về giá, CHPG2007 và CVHM2003 tăng mạnh lần lượt là 11.87% và 10.08%. Trái lại, CSTB2003 và CSTB2004 giảm mạnh lần lượt là -18.75% và -12.35%. Giá trị giao dịch giảm -27.61%. CHPG2009 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.63% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVNM2003 và CMWG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	75.50	2.03	0.76
VNM	112.70	0.71	0.59
VJC	108.00	1.12	0.41
HPG	26.80	0.56	0.33
HDB	24.80	0.40	0.09

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	20.5	-2.62	-1.23
VCB	80.3	-1.47	-0.64
MSN	54.1	-1.81	-0.61
MBB	16.6	-1.48	-0.47
STB	10.8	-1.83	-0.47

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2007	24,659	22,999	26,800
CVHM2003	80,000	70,000	75,500
CVNM2004	133,747	116,473	112,700
CVHM2002	88,500	77,000	75,500
CVHM2001	110,067	94,567	75,500
CHPG2009	25,700	22,500	26,800
CHPG2005	21,100	19,000	26,800
CHPG2008	32,100	28,000	26,800
CVNM2003	107,094	92,780	112,700
CMBB2006	18,700	16,500	16,600
CFPT2003	57,300	50,000	45,650
CVPB2005	22,520	19,500	20,450
CFPT2004	55,100	50,000	45,650
CTCB2004	19,100	17,000	19,550
CCTD2001	96,288	80,888	69,600
CMWG2007	99,900	87,000	80,800
CDPM2002	16,952	15,252	14,000
CTCB2005	25,000	22,000	19,550
CSTB2004	12,400	11,000	10,750
CSTB2003	12,471	11,111	10,750

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	80.8	-0.9%	1.2	1,591	2.6	8,808	9.2	2.7	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	57.4	-0.2%	1.3	562	0.9	5,248	10.9	2.6	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	45.5	-0.5%	1.3	1,469	0.8	1,307	34.8	1.8	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	29.9	-2.3%	0.4	291	0.0	2,056	14.5	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	89.0	0.0%	0.8	13,089	1.4	2,095	42.5	3.8	13.9%	10.5%
VRE	Bất động sản	24.8	-2.4%	1.1	2,450	1.9	1,226	20.2	2.1	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	61.5	-1.1%	0.8	2,592	3.7	3,584	17.2	2.6	6.1%	16.3%
REE	Bất động sản	30.7	-0.2%	0.8	413	0.5	4,976	6.2	0.9	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.2	-0.9%	1.3	253	1.7	2,289	4.9	0.8	41.0%	15.9%
SSI	Chứng khoán	14.8	0.0%	1.3	387	2.4	1,415	10.5	0.8	50.2%	7.8%
VCI	Chứng khoán	20.5	-2.4%	1.0	146	0.8	4,240	4.8	0.8	27.9%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.4	0.0%	1.8	243	1.2	1,480	12.4	1.3	52.3%	12.0%
FPT	Công nghệ	45.7	-0.9%	0.8	1,556	3.2	4,804	9.5	2.1	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	49.3	-6.3%	0.4	533	0.0	4,812	10.2	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	69.0	-1.0%	1.5	5,742	1.4	5,820	11.9	2.6	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	44.5	0.0%	1.5	2,304	2.8	869	51.2	2.8	13.8%	5.7%
PVS	Dầu khí	11.9	-0.8%	1.6	247	1.4	1,238	9.6	0.5	11.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	6.9	1.5%	0.8	930	0.7	898	7.7	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	91.5	1.9%	0.5	520	0.0	5,046	18.1	3.4	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.0	-2.1%	0.4	238	1.9	1,006	13.9	0.7	11.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.5	-4.1%	0.4	196	1.4	415	20.5	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	80.3	-1.5%	1.2	12,949	2.5	4,848	16.6	3.5	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	37.9	-1.6%	1.4	6,628	1.4	2,140	17.7	2.0	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	21.6	-1.6%	1.2	3,489	2.7	2,510	8.6	1.0	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	20.5	-2.6%	1.2	2,167	2.7	3,750	5.5	1.1	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	16.6	-1.5%	1.0	1,740	2.5	3,398	4.9	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	22.8	-0.4%	0.9	1,648	3.6	3,780	6.0	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	51.9	-1.7%	0.9	185	0.4	5,303	9.8	1.7	81.3%	17.0%
NTP	Nhựa	31.7	-0.9%	0.4	162	0.0	4,208	7.5	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.2	0.7%	0.4	654	0.0	356	42.7	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	26.8	0.6%	1.1	3,217	17.4	2,764	9.7	1.5	36.0%	17.4%
HSG	Thép	11.5	-3.0%	1.5	221	10.1	1,493	7.7	0.8	12.4%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	112.7	0.7%	0.7	8,533	3.9	5,453	20.7	6.5	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	157.0	-2.2%	0.8	4,377	0.4	6,719	23.4	5.8	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	54.1	-1.8%	1.0	2,750	3.3	3,961	13.7	1.5	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	13.4	-4.0%	0.7	341	1.4	171	78.2	1.1	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	58.3	-2.8%	0.8	5,518	0.6	3,450	16.9	3.5	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	108.0	1.1%	1.1	2,460	1.3	7,110	15.2	3.8	18.2%	26.3%
HVN	Vận tải	25.1	0.8%	1.7	1,548	0.6	1,654	15.2	2.0	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	18.6	-2.1%	0.9	240	0.2	1,583	11.7	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.6	0.0%	1.1	130	0.5	2,117	5.0	0.7	25.1%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	61.2	0.3%	0.9	413	0.3	9,201	6.7	2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	-1.6%	0.7	371	0.4	1,453	13.1	1.3	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.4	0.0%	1.0	222	0.0	1,938	6.9	0.9	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	69.6	-0.6%	1.0	231	1.4	8,032	8.7	0.6	46.2%	7.3%
VCG	Xây dựng	26.2	-0.8%	0.3	503	0.3	1,498	17.5	1.7	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	18.2	0.0%	0.3	188	0.7	1,775	10.2	0.8	39.4%	8.5%
POW	Điện	9.7	-1.0%	0.6	988	1.5	1,028	9.4	0.8	11.6%	9.4%
NT2	Điện	21.1	-1.2%	0.5	264	0.2	2,543	8.3	1.4	18.1%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	75.50	2.03	1.43	2.30MLN
VNM	112.70	0.71	0.40	797960.00
VJC	108.00	1.12	0.19	289590.00
HPX	28.60	6.92	0.12	813720.00
HPG	26.80	0.56	0.12	14.83MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.27	709990.00	1.11MLN
BID	0.00	-0.69	862060.00	607060.00
SAB	0.00	-0.64	62530.00	373600.00
GVR	0.00	-0.46	1.13MLN	192700.00
VRE	0.00	-0.40	1.70MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIX	29.05	7.00	0.02	230.00
DGW	38.30	6.98	0.03	803530.00
DAH	16.90	6.96	0.01	3.16MLN
THI	26.95	6.94	0.02	20.00
SVT	20.80	6.94	0.00	4720.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPG	13.95	-7.00	-0.01	4280.00
TCH	21.30	-6.99	-0.17	1.55MLN
BCG	6.13	-6.98	-0.01	791280.00
YBM	4.14	-6.97	0.00	9070.00
FTM	1.47	-6.96	0.00	514760.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	39.50	1.80	0.05	225500.00
PTI	20.50	7.89	0.03	33000.00
SHN	7.00	2.94	0.02	2100.00
CTB	33.90	8.65	0.02	3600.00
MBG	5.20	8.33	0.02	2.74MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

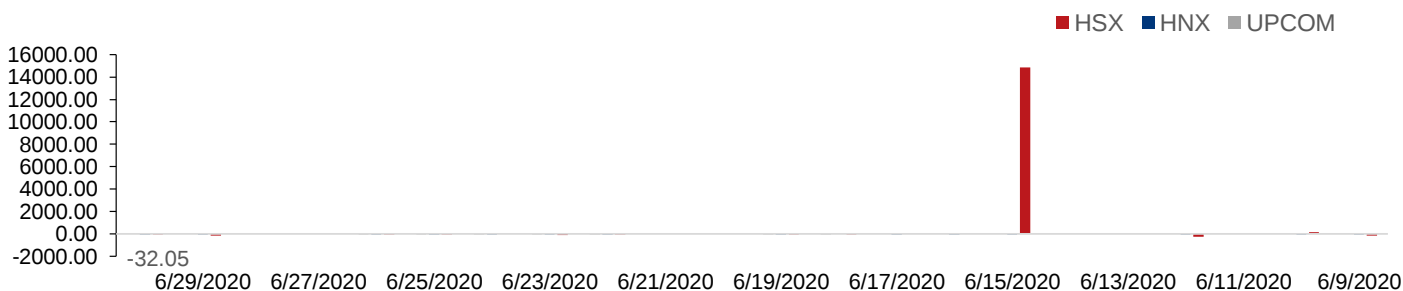
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.80	-0.44	-0.16	3.58MLN
SHB	13.00	-0.76	-0.13	3.05MLN
NVB	8.50	-2.30	-0.08	1.82MLN
CEO	7.30	-5.19	-0.06	2.56MLN
VIX	7.00	-7.89	-0.06	537200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.70	16.7	0.00	828600.00
FID	1.10	10.0	0.00	52800.00
STC	13.20	10.0	0.00	3000.00
VC6	8.80	10.0	0.00	900.00
RCL	24.40	9.9	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ARM	24.90	-15.88	0.00	100.00
VNR	18.60	-11.43	-0.05	3400.00
VIG	0.80	-11.11	0.00	56900.00
HKB	0.90	-10.00	0.00	679900.00
KLF	1.80	-10.00	-0.03	5.29MLN



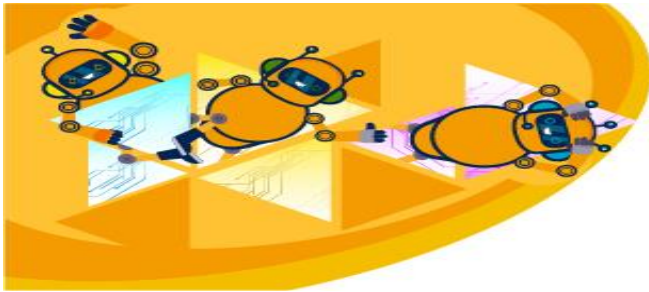
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	54.1	3,961	13.7	1.5	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	39.5	4,717	8.4	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.5	1,493	7.7	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	42.1	5,479	7.7	2.1	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	18.4	1,140	16.1	1.5	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	26.8	2,764	9.7	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	19.6	2,987	6.5	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	57.4	5,248	10.9	2.6	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	134.8	5,718	23.6	8.3	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.2	2,289	4.9	0.8	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	14.9	1,496	10.0	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	19.3	7,637	2.5	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.0	5,311	4.0	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	38.3	4,465	8.6	1.7	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	80.3	4,848	16.6	3.5	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	22.8	3,780	6.0	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	35.1	6,553	5.4	1.3	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	49.7	3,887	12.8	2.5	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	45.7	4,804	9.5	2.1	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	18.6	1,583	11.7	0.9	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương
VEA 2020Q2	27/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (-19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giá định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019).
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lò cao, thị phần đạt 70%. 6 lò cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: phập phù, 5: chạy full, 6: còn đang lắp
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn.
VTP 2020Q2	19/5/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn